

THÔNG BÁO

XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2022

Đơn vị được thông báo: Trường ĐH Mở Hà Nội

Mã chương: 022

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường ĐH Mở Hà Nội và Biên bản xét duyệt quyết toán năm 2022 giữa Trường ĐH Mở Hà Nội và Đoàn thẩm tra, xét duyệt quyết toán năm 2022 của Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT);

Bộ GDĐT thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 (không bao gồm quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản) của Trường Trường ĐH Mở Hà Nội như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí: không phát sinh

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 189.823.600 đồng;
- Dự toán được giao trong năm: 4.498.000.000 đồng;
- Kinh phí thực nhận trong năm: 4.206.775.200 đồng;
- Kinh phí quyết toán: 4.206.775.200 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 250.534.700 đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 230.513.700 đồng (dự toán còn dư ở Kho bạc).

Số liệu quyết toán trên đã được chuẩn chi tại Kho bạc nhà nước nơi đơn vị giao dịch. Thủ trưởng đơn vị sử dụng kinh phí chịu trách nhiệm về số liệu, về tính hợp pháp, hợp lệ của các chứng từ kế toán và các nội dung chi.

(Số liệu chi tiết theo Biểu 2C kèm theo)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính, Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2021:

- Năm 2022, đơn vị không được kiểm toán hay thanh tra thực hiện.

- Về tình hình thực hiện kiến nghị tại Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2021: Đơn vị đã rà soát, cập nhật Quy chế chi tiêu nội bộ; đã tăng cường đấu thầu qua mạng và đã ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị của Trường Đại học Mở Hà Nội theo Quyết định số 3412/QĐ-ĐHM ngày 21/9/2022. Tuy nhiên, tình trạng chi vượt giờ chưa được khắc phục triệt để; đơn vị chưa báo cáo Bộ GDĐT tổng hợp, phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp để đầu tư, mua sắm, cải tạo theo quy định tại Luật Đầu tư công, nghị định số 40/2020/NĐ-CP; chưa thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP (đối với đơn vị tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư phải thực hiện).

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Tổng số thu trong năm: 466.650 triệu đồng, trong đó:
 - + Thu học phí chính quy: 203.328 triệu đồng
 - + Thu học phí không chính quy: 205.599 triệu đồng
 - + Thu tiền tuyển sinh: 1.378,7 triệu đồng
 - + Thu dịch vụ và thu khác: 56.344 triệu đồng
- Tổng số chi trong năm: 271.286,7 triệu đồng
- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 200.877 triệu đồng

Căn cứ vào kết quả hoạt động năm 2022, Trường đã thực hiện trích lập các quỹ với tổng số tiền trích lập là 200.877 triệu đồng. Về cơ bản Trường thực hiện chi quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ PTHĐSN và các quỹ theo quy định hiện hành.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2b kèm theo).

III. Nhận xét và kiến nghị

1. Nhận xét

1.1. Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán; Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán; và đánh giá công tác lập kế hoạch dự toán ngân sách năm 2022

- Đảm bảo thời hạn nộp BCQT theo yêu cầu của Bộ GDĐT. Về cơ bản, biểu mẫu BCQT đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC.

- Công tác lập dự toán ngân sách năm 2022 tương đối sát thực tế (số dư kinh phí chế độ chính sách hủy dự toán thấp chỉ 181,5 triệu đồng, hủy kinh phí đề tài KHCN hết thời hạn 69 triệu đồng).

- Hội đồng trường đã thông qua báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2022 của Trường tại Nghị quyết số 1113/NQ-ĐHM-HĐT ngày 30/3/2023.

1.2. Về việc thực hiện cơ chế tài chính theo Quyết định số 941/QĐ-TTg ngày 03/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Mở Hà Nội

Năm 2022, Trường tiếp tục được phân loại là đơn vị tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư; thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị quyết số 77/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 941/QĐ-TTg ngày 06/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Mở Hà Nội.

Trường đã ban hành Quy chế tài chính kèm theo Nghị quyết số 4368/2021/NQ-ĐHM-HĐT ngày 30/8/2021, Quy chế chi tiêu nội bộ kèm theo Quyết định số 6188/QĐ-ĐHM ngày 31/12/2021. Qua rà soát, Quy chế chi tiêu nội bộ chưa quy định đầy đủ việc trích nguồn thực hiện cải cách tiền lương; chưa quy định việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ; cần sửa đổi, cập nhật quy định pháp luật mới được ban hành để căn cứ thực hiện trong năm 2023 như Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học; Thông tư 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Kết quả năm 2022 khi thực hiện tự chủ tài chính, Trường đã trích quỹ 200,88 tỷ đồng (tăng 3,7% so với năm 2021), trong đó Quỹ phát triển HDSN là 106,76 tỷ đồng (tăng 25,6% so với năm 2021 là 85,01 tỷ đồng). Tổng thu nhập tăng thêm trong năm 2022 là 68.660 triệu đồng, bằng 1,3 lần quỹ lương ngạch bậc, chức vụ trong năm. Chi thu nhập tăng thêm bình quân 84 triệu đồng/người/năm, giảm 10% so với mức chi thu nhập tăng thêm bình quân năm 2021 là 92,32 triệu đồng/người/năm.

Về việc trích lập quỹ học bổng: Năm 2022, Trường đã trích quỹ học bổng sinh viên là 15.751 triệu đồng, đạt tỷ lệ 8% học phí đại học chính quy,

1.3. Về quản lý và sử dụng nguồn thu, mức thu và các khoản thu khác

- Tổng thu sự nghiệp, thu hoạt động SXKD năm 2022 là 469.951,21 triệu đồng (tăng 12,8% so với năm 2021) gồm thu học phí đại học chính quy: 196.887,55 triệu đồng, học phí cao học: 6.322,41 triệu đồng, học phí nghiên cứu sinh: 117,83 triệu đồng, học phí vừa làm vừa học: 205.599,39 triệu đồng, lãi tiền gửi ngân hàng: 21.791,33 triệu đồng, đào tạo ngắn hạn: 27.992,65 triệu đồng, thu khác: 11.239,6 triệu đồng.

- Về mức thu học phí năm học 2021-2022, năm học 2022-2023: Trường đã ban hành Thông báo số 4019/TB-ĐHM ngày 10/8/2021 về việc giữ nguyên mức thu học phí và các khoản thu khác năm học 2021-2022 bằng với mức thu của năm

học 2020-2021 đã ban hành theo Quyết định số 2340/QĐ-ĐHM ngày 02/7/2020 đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ. Thực hiện Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022, Trường đã ban hành Thông báo số 715/TB-ĐHM ngày 28/02/2023 về việc điều chỉnh mức thu học phí trong chương trình đào tạo chính khóa năm học 2022-2023 bằng mức thu học phí năm học 2021-2022 như đã thông báo theo Thông báo số 4019/TB-ĐHM ngày 10/8/2021.

- Về việc chi trả vượt giờ giảng dạy: Trong năm 2022, Trường đã chi trả cho 120 giảng viên có số giờ giảng vượt 300 giờ chuẩn với tổng số tiền là 9.278,91 triệu đồng, không đúng quy định của Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019, Điều 61 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, trong khi có 6 giảng viên chưa đủ giờ chuẩn.

1.4. Về kinh phí KHCN:

a) Tình hình kinh phí

- Tổng số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 189.823.600 đồng
- + Số dư tạm ứng: 0
- + Số dư dự toán: 189.823.600 đồng
- Tổng dự toán được giao trong năm: 1.015.000.000 đồng
- Tổng số được sử dụng trong năm : 1.204.832.600 đồng
- Tổng số kinh phí quyết toán: 905.271.300 đồng
- Tổng số kinh phí giảm trong năm: 69.038.600 đồng
- Tổng số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau quyết toán: 230.513.700 đồng, trong đó:
 - + Dư dự toán: 230.513.700 đồng
 - + Dư tạm ứng: 0 đồng.

b) Triển khai thực hiện:

Trong năm 2022, đơn vị triển khai thực hiện 9 đề tài cấp Bộ được ngân sách cấp kinh phí với tổng kinh phí quyết toán là 905.271.300 đồng; gồm: (i) 02 đề tài chuyển tiếp từ các năm 2020 trở về trước mang sang (đề tài B2019-MHN-05 2019-2020 được gia hạn đến tháng 6/2022 tại Quyết định số 3273/QĐ-BGDĐT ngày 12/10/2021, đề tài B2020-MHN-01 2020-2021 được gia hạn đến tháng 12/2022 do Lãnh đạo Vụ KHCN - Bộ GDĐT ký thừa lệnh Bộ trưởng Bộ GDĐT tại đơn “Điều chỉnh đề tài KHCN cấp Bộ”); (ii) 04 đề tài chuyển tiếp từ năm 2021 sang (trong đó có 03 đề tài được gia hạn đến tháng 6/2023 do Lãnh đạo Vụ KHCN - Bộ GDĐT ký thừa lệnh Bộ trưởng Bộ GDĐT tại đơn “Điều chỉnh đề tài KHCN cấp Bộ”); (iii) 03 đề tài mở mới năm 2022.

Kiểm tra mẫu một số chứng từ cho thấy đơn vị thực hiện đúng quy định.

c) Về thực hiện Nghị định số 99/2014/NĐ-CP:

- Tỷ lệ trích lập Quỹ KHCN hỗ trợ SV nghiên cứu khoa học trên tổng thu học phí hệ chính quy: Năm 2022 thực hiện trích 5.100 triệu đồng/203.327,8 triệu đồng, đạt tỉ lệ 2,5% (chưa đảm bảo theo quy định tối thiểu 3%). Kinh phí chi thực tế 2.255,4 triệu đồng.

+ Tỷ lệ trích lập Quỹ KHCN (5%) tính trên tổng nguồn thu để đầu tư tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN): Năm 2022 thực hiện trích 24.300 triệu đồng/447.995,2 triệu đồng, đạt 5,4% trên tổng nguồn thu của hợp pháp của Trường (đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 5% theo quy định). Kinh phí chi trong năm 21.054,2 triệu đồng.

1.5. Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của từng khoản chi

a) Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo NĐ 81:

- Năm 2022, tại QĐ số 4992/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 và QĐ số 3687/QĐ-BGDĐT ngày 14/11/2022 và trường được giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ miễn giảm học phí là 2.814 triệu đồng.

- Tổng số kinh phí thực hiện miễn giảm năm 2022 là: 2.737,755,9 triệu đồng.

- Số thiếu năm 2021 chuyển sang: 585,428 triệu đồng (trường đã ứng trước để trả sinh viên năm 2021 theo Thông báo QT năm 2021).

- Đối chiếu với kinh phí được giao, số kinh phí miễn giảm học phí NSNN cấp năm 2022 còn thừa là: 76,244,1 triệu đồng (đề nghị hủy dự toán).

Trường thực hiện chi trả dựa trên số tín chỉ thực tế sinh viên đăng ký học theo từng học kỳ.

b) Kinh phí chi cho hỗ trợ chi phí học tập (QĐ66):

- Năm 2022, tại QĐ số 4992/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 trường được giao dự toán kinh phí thực hiện hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số là 535 triệu đồng.

- Tổng số kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số năm 2021 là: 430,908 triệu đồng.

- Đối chiếu với kinh phí được giao, số kinh phí thực hiện hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số năm 2022 còn thừa là: 104,092 triệu đồng (đề nghị hủy dự toán).

c) Kinh phí trợ cấp xã hội năm 2022 theo Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg và QĐ 194/2001/QĐ-TTg

- Năm 2022, trường được giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ trợ cấp xã hội tại Quyết định số 3687/QĐ-BGDĐT ngày 14/11/2022 với số tiền là 134 triệu đồng.

- Tổng số kinh phí theo nhu cầu chi trợ cấp xã hội năm 2022 là: 133,400 triệu đồng

- Trường đã thực hiện chi trợ cấp xã hội cho 79 sinh viên (15 đối tượng được hưởng mức 100.000đ/tháng, 64 đối tượng được hưởng 140.000 đ/tháng) của học kỳ I năm học 2021-2022 (6 tháng) tại QĐ số 177/QĐ-ĐHM ngày 14/1/2022 là 62,76 triệu đồng.

- Tổng số kinh phí thực hiện trợ cấp xã hội năm 2022 đề nghị quyết toán là: 196,2 trđ.

- Đối chiếu với số kinh phí được cấp, kinh phí trợ cấp xã hội năm 2022 còn thiếu là 62,2 triệu đồng (63,36 trđ).

1.6. Kiểm tra việc mua sắm, quản lý tài sản công

- Năm 2022, nhà trường thực hiện việc tăng cường CSVC, trang thiết bị từ nguồn không thường xuyên là 24.170,14 tr.đ (trong đó tăng cường CSVC là 9.815,07 tr.đ; mua sắm trang thiết bị là 14.355,07 tr.đ) từ nguồn thu và quỹ phát triển hoạt động.

- Trường đã ban hành và công khai Kế hoạch năm về cải tạo, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị: QĐ số 187/QĐ-ĐHM ngày 14/01/2022 của Trường Đại Học Mở Hà Nội. Trong đó: (i) Sửa chữa, xây dựng công trình: 9.984trđ; (ii) Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị: 20.782,5 trđ.

- Kết quả thực hiện: 24.170,14 trđ, đạt 78.56% (trong đó XDCB 9.815,07 trđ, đạt 98.3%; thiết bị 14.355,07 trđ, đạt 69.07%).

Theo báo cáo của đơn vị, trong năm 2022 đơn vị thực hiện tổng cộng 42 gói thầu/dự án xây dựng, mua sắm, sửa chữa với giá trị dự toán 33.663,91 tr.đ, giá trị trúng thầu là 31.462,56 tr.đ, giá trị thanh toán là 24.312,68 tr.đ (*kèm theo Bảng kê chi tiết các dự án/gói thầu thực hiện/quyết toán trong năm 2022, trong đó phân loại thành các gói thầu xây dựng; mua sắm tài sản, thiết bị; khác*).

Do thời gian hạn chế, Đoàn chỉ kiểm tra, nhận xét một số dự án/gói thầu trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu, số liệu do đơn vị cung cấp; đơn vị chịu trách nhiệm pháp lý về những tài liệu cung cấp; Không kiểm tra, xác minh hóa đơn GTGT đầu vào; không kiểm tra trực tiếp tại hiện trường. Cụ thể như sau:

****) Gói thầu Sửa chữa, cải tạo khu vệ sinh nam tầng 3 và sơn nhà kho sách, khu vực hành lang khoa Kinh tế - Khu giảng đường 193 Vĩnh Hưng:***

Biên bản xác nhận, đánh giá hiện trạng, phương án CTSC ngày 09/9/2022; 03 báo giá ngày 09/12/2022; Phê duyệt danh mục dự toán số 4551/QĐ-ĐHM ngày 14/12/2022, giá trị dự toán 76,271 trđ, vốn từ nguồn học phí và lệ phí, thời gian thực hiện 07 ngày; Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu số 01/BC-TĐ ngày 16/12/2022; Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 4578/QĐ-ĐHM ngày 16/12/2022: 01 gói thầu, giá gói thầu 76,271 trđ, vốn từ nguồn học phí và lệ phí, chỉ định thầu rút gọn, hợp đồng trọn gói, thời gian thực

hiện hợp đồng 07 ngày; đã đăng tải KHLCNT trên mạng đấu thầu quốc gia; thương thảo hợp đồng ngày 19/12/2022; phê duyệt chỉ định đơn vị thực hiện tại Quyết định số 4654/QĐ-ĐHM ngày 19/12/2022 theo hình thức chỉ định thầu rút gọn, đơn vị được chỉ định là Công ty cổ phần thương mại & xây dựng HANCO, giá trúng thầu 76,271 trđ; đã công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; hai bên ký kết hợp đồng số 1220/HĐ-ĐHM ngày 20/12/2022; nghiệm thu hoàn thành ngày 26/12/2022; thanh lý hợp đồng ngày 20/12/2022; hoá đơn GTGT ngày 26/12/2022, giá trị 76,271 trđ.

Nhận xét: Gói thầu thực hiện đúng quy định theo quy trình chỉ định thầu rút gọn.

****) Mua sắm bàn, ghế, bục giảng, tủ đựng tài liệu Quý III năm 2022:***

Phê duyệt danh mục, dự toán tại Quyết định số 3206/QĐ-ĐHM ngày 05/9/2022, giá trị 434,366 trđ; Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu số 45/BC-TĐ ngày 07/9/2022; Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu số 3232/QĐ-ĐHM ngày 08/9/2022 bao gồm 03 gói thầu, tổng giá trị 438,866 trđ, hình thức lựa chọn nhà thầu: chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng, chỉ định thầu rút gọn; hợp đồng trọn gói; đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu số 20220922697-00 ngày 09/9/2022. Việc mua sắm bao gồm 04 gói thầu: (1) Thẩm định giá, (2) Lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT, (3) Thẩm định E-HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu, (4) Mua sắm. Cụ thể:

(1) Gói thầu thẩm định giá: Đề nghị thẩm định giá thiết bị gửi Công ty Cổ phần Thẩm định giá PSD ngày 23/8/2022 tại Công văn số 3010/ĐHM; thương thảo hợp đồng số 0322/0905C/PSD-TTHĐTĐ ngày 24/8/2022; Phê duyệt chỉ định thầu tại Quyết định số 3020/QĐ-ĐHM ngày 24/8/2022, đơn vị được lựa chọn là Công ty Cổ phần Thẩm định giá PSD, giá hợp đồng là 4 trđ, hợp đồng trọn gói, nguồn vốn học phí, lệ phí, thời gian thực hiện hợp đồng 07 ngày; hai bên ký kết hợp đồng số 0322/0905C/PSD-HĐTĐ ngày 24/8/2022; Báo cáo kết quả thẩm định giá số 0322/0905C/PSD-BCTĐ ngày 05/9/2022; Chứng thư thẩm định giá số 0322/0905C/PSD-CTTĐ ngày 05/9/2022; Nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 07/9/2022; hoá đơn GTGT ngày 05/10/2022, giá trị 4 trđ.

(2) Gói thầu Lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT: Thương thảo hợp đồng ngày 08/9/2022; Phê duyệt chỉ định thầu tại Quyết định số 3251/QĐ-ĐHM ngày 09/9/2022, đơn vị được lựa chọn là Công ty TNHH Tư vấn Đại học Xây dựng, giá hợp đồng là 2,5 trđ, hợp đồng trọn gói, nguồn vốn học phí, lệ phí, thời gian thực hiện hợp đồng 30 ngày; đã công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; hai bên ký kết hợp đồng số 185-22/CCU ngày 09/9/2022; Nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 03/10/2022; hoá đơn GTGT số 257 ngày 14/10/2022, giá trị 2,5 trđ.

(3) Gói thầu thẩm định E-HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu: Thương thảo hợp đồng ngày 08/9/2022; Phê duyệt chỉ định thầu tại Quyết định số 3252/QĐ-

ĐHM ngày 09/9/2022, đơn vị được lựa chọn là Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng và chuyển giao công nghệ, giá hợp đồng là 2 trđ, hợp đồng trọn gói, nguồn vốn học phí, lệ phí, thời gian thực hiện hợp đồng 30 ngày; đã công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; hai bên ký kết hợp đồng số 0909-1/2022/HĐTV ngày 09/9/2022; Nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 03/10/2022; hoá đơn GTGT số 00000010 ngày 13/10/2022, giá trị 2 trđ.

(4) Gói thầu mua sắm (Giá gói thầu 434,436 trđ): Báo cáo thẩm định E-HSMT số 0909-1/2022/BCTĐ-1 ngày 14/9/2022 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và chuyển giao công nghệ; Phê duyệt E-HSMT tại Quyết định số 3320/QĐ-ĐHM ngày 14/9/2022; Thông báo mời thầu số 20220935951-00 ngày 14/9/2022; Biên bản mở thầu ngày 21/9/2022; Làm rõ HSDT ngày 23/9/2022; Báo cáo đánh giá E-HSDT số 185-22/BCĐG-CCU ngày 27/9/2022 của Công ty TNHH Tư vấn Đại học Xây dựng; Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 28/9/2022; Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu số 0909-1/2022/BCTĐ-2 ngày 29/9/2022 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và chuyển giao công nghệ; Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo hình thức chào hàng cạnh tranh thông thường, qua mạng tại Quyết định số 3560/QĐ-ĐHM ngày 30/9/2022, đơn vị trúng thầu là Công ty cổ phần Kiến trúc nội thất 567, giá trúng thầu là 410 trđ, hợp đồng trọn gói, thời gian thực hiện 20 ngày; công khai kết quả lựa chọn nhà thầu ngày 30/9/2022; hợp đồng số 64/HĐ-567-ĐHM ngày 30/9/2022; Bảo lãnh thực hiện hợp đồng ngày 30/9/2022; Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ngày 13/10/2022; nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày.../10/2022; Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000016 ngày 14/10/2022, giá trị 410 trđ.

Nhận xét chung: Các gói thầu thẩm định giá thiết bị chưa phê duyệt dự toán theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.

****) Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục trụ sở Trường Đại học Mở tại nhà D101 phố Nguyễn Hiền, phường Bách Khoa, Hà Nội:***

Phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2282/QĐ-ĐHM ngày 04/7/2022 với khái toán TMĐT là 8.245 trđ, nguồn vốn học phí và lệ phí, thuê tư vấn quản lý dự án, thời gian thực hiện dự kiến Quý III-IV/2022; Báo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu (giai đoạn chuẩn bị đầu tư) số 02/BC-TĐ ngày 07/7/2022; Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (giai đoạn chuẩn bị đầu tư) tại Quyết định số 2329/QĐ-ĐHM ngày 07/7/2022 bao gồm 02 gói thầu (Khảo sát và lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: 307 trđ, Thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật: 35 trđ), hình thức LCNT chỉ định thầu rút gọn; Đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu (giai đoạn chuẩn bị đầu tư) số 20220746261-00; Phê duyệt nhiệm vụ thiết kế tại Quyết định số 2351/QĐ-ĐHM ngày 08/7/2022; Báo cáo thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật tại Quyết định số 03/BC-TĐ ngày 21/7/2022; Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật tại Quyết định số 2468/QĐ-ĐHM ngày 21/7/2022 với TMĐT 7.800 trđ, vốn

nguồn học phí và lệ phí, thuê tư vấn quản lý dự án, thời gian thực hiện Quý III-IV/2022; Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu (giai đoạn đầu tư) số 04/BC-TĐ ngày 21/7/2022; Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (giai đoạn đầu tư) tại Quyết định số 2469/QĐ-ĐHM ngày 21/7/2022 bao gồm 06 gói thầu với tổng giá gói thầu 7.109 trđ, hình thức LCNT chỉ định thầu rút gọn, đấu thầu rộng rãi qua mạng, hợp đồng trọn gói; Đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu (giai đoạn đầu tư) số 20220781372-00; Phê duyệt E-HSMT tại Quyết định số 2590/QĐ-ĐHM ngày 28/7/2022; Phê duyệt điều chỉnh thiết kế - dự toán, giá gói thầu tại Quyết định số 3637/QĐ-ĐHM ngày 05/10/2022

Nhận xét chung: Gói thầu thực hiện đúng quy định.

1.7. Kiểm tra số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và thanh toán gồm:

Số dư kinh phí đã được KBNN xác nhận chuyển năm sau 230.513.700 đồng KP KHCN (dự dự toán) của các đề tài KHCN trong thời hạn thực hiện.

1.8. Về công tác quản lý tiền mặt, tiền gửi, công nợ

- Đơn vị phân công tách bạch chức năng thủ quỹ và kế toán tiền mặt, kế toán tiền gửi. Chưa thực hiện triệt để việc thu, chi qua tài khoản tiền gửi kho bạc, tiền gửi ngân hàng, nhiều khoản chi tiền mặt từ vài chục triệu đến vài trăm triệu đồng. Số dư quỹ tiền mặt một số tháng còn lớn (tháng 3, tháng 8, tháng 9, tháng 10, tháng 12 trên 1 tỷ đồng).

- Hằng tháng, đơn vị nhận sổ phụ tiền gửi ngân hàng; chỉ thực hiện xác nhận số dư tài khoản tiền gửi vào cuối năm. Lãi phát sinh từ tài khoản tiền gửi ngân hàng năm 2022 là 21.791.332.495 đồng, đơn vị ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính để xác định chênh lệch thu, chi từ đó trích lập các quỹ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

- Về quản lý công nợ: Trường đã mở sổ theo dõi nội dung chi tiết theo từng đối tượng; thực hiện đối chiếu xác nhận công nợ với các đối tượng vào cuối năm.

1.9. Các nội dung khác

a) Đơn vị đã ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật tại Quyết định số 3866/QĐ-ĐHM ngày 02/8/2021 chi tiết theo các nhóm ngành làm cơ sở xác định mức thu học phí hằng năm.

b) Đơn vị chưa thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP (đối với đơn vị tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư phải thực hiện).

2. Kiến nghị:

Đề nghị đơn vị nghiêm túc thực hiện các kiến nghị sau:

2.1. Về công tác quản lý tài chính

- Rà soát, điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ áp dụng trong năm 2023 theo các nhận xét tại mục 1.2 phần 1. Nhận xét. Thực hiện trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định.

- Tuân thủ các quy định về giờ lao động tại Bộ Luật lao động và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; Rà soát, sắp xếp, bố trí đội ngũ giảng viên để khắc phục tình trạng có giảng viên chưa đủ giờ chuẩn trong khi có giảng viên vượt giờ cao không đúng quy định.

2.2. Về thực hiện chế độ chính sách của nhà nước, chế độ cho người học, nghĩa vụ với nhà nước

- Đề nghị lãnh đạo trường chỉ đạo bộ phận chuyên môn chủ động đôn đốc, rà soát các đối tượng chính sách, tham mưu rõ nét việc xét duyệt hồ sơ chính sách, sớm chi trả chế độ chính sách cho người học, chấm dứt tình trạng chi chậm muộn như năm 2022.

- Vào đầu năm học 2023-2024, Phòng Công tác sinh viên chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan khẩn trương rà soát và chốt số liệu chính xác về đối tượng được hưởng chính sách theo các quy định gửi Vụ KHTC để tổng hợp, bố trí kinh phí thực hiện đảm bảo đúng, đủ kinh phí cho đối tượng chính sách.

2.3. Về công tác quản lý, sử dụng, mua sắm, sửa chữa tài sản

Đối với việc sử dụng nguồn thu hợp pháp để đầu tư, mua sắm, cải tạo: Báo cáo Bộ GDĐT tổng hợp, phê duyệt kế hoạch theo quy định tại Luật Đầu tư công, nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

2.4. Nội dung khác

- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các hướng dẫn tại Công văn số 1267/BGDĐT-KHTC ngày 27/3/2023 của Bộ GDĐT về việc tăng cường công tác quản lý tài chính, tài sản tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ GDĐT; lưu ý tăng cường công tác quản lý tiền mặt, tiền gửi, công nợ theo nhận xét trên đây.

- Đề nghị đơn vị thực hiện kiểm toán nội bộ theo quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2015 của Chính phủ về Kiểm toán nội bộ.

Đề nghị Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, kịp thời các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra, cơ quan tài chính, đơn vị xét duyệt/thẩm định quyết toán; báo cáo kết quả thực hiện về Bộ GDĐT (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính) theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định về xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm. Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị cần nêu rõ: Những kiến nghị đã thực hiện, kiến nghị đang thực hiện, kiến nghị chưa thực hiện (với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu,... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích lý do, báo cáo rõ thời gian hoàn thành việc thực hiện các kiến nghị).

Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo đề đơn vị biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Đơn vị được XD quyết toán;
- Bộ Tài chính;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Phạm Ngọc Thương (để b/c);
- Vụ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Ngô Văn Thịnh

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG ĐH MỞ HÀ NỘI

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán số 1601 /TB-BGDĐT ngày 29 /9 /2023 của Bộ GDĐT)

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Số báo cáo	Số đối chiếu, kiểm tra	Chênh lệch
	Hoạt động hành chính, sự nghiệp			
1	Doanh thu (01=02+03+04)	4.445.495.971	4.445.495.971	
2	a. Từ NSNN cấp	4.445.495.971	4.445.495.971	
3	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài		0	
4	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại		0	
5	Chi phí (05=06+07+08)	905.271.300	905.271.300	
6	a. Chi phí hoạt động	905.271.300	905.271.300	
7	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài		0	
8	c. Chi phí hoạt động thu phí		0	
9	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)	3.540.224.671	3.540.224.671	
	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ		0	
10	Doanh thu	447.995.184.231	447.995.184.231	
11	Chi phí	271.269.620.406	271.269.620.406	
12	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	176.725.563.825	176.725.563.825	
	Hoạt động tài chính		0	
20	Doanh thu	21.791.332.495	21.791.332.495	
21	Chi phí	0	0	
22	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	21.791.332.495	21.791.332.495	
	Hoạt động khác		0	
30	Thu nhập khác	164.693.000	164.693.000	
31	Chi phí khác	17.105.744	17.105.744	
32	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	147.587.256	147.587.256	
40	Chi phí thuế TNDN		0	
41	Các khoản phải nộp NSNN khác	1.327.459.305	1.327.459.305	
50	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40+41)	200.877.248.942	200.877.248.942	
51	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính		0	
52	Phân phối cho các quỹ	200.877.248.942	200.877.248.942	
53	Kinh phí cải cách tiền lương			

Đã kiểm tra

✓

SỔ LIỆU XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG ĐH MỞ HÀ NỘI

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán số 1601/TB-BGDĐT ngày 29/9/2023 của Bộ GDĐT)

Phần I- TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ:

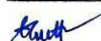
Đơn vị: đồng

Chi tiêu	Nội dung (*)	Tổng số	Loại 070	Loại 100
			Khoản 081	Khoản 101
	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC			
	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC			
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	189.823.600	-	189.823.600
2	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)	-	-	-
3	- Kinh phí đã nhận	-		
4	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	-		
5	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)	189.823.600	-	189.823.600
6	- Kinh phí đã nhận	-		
7	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	189.823.600		189.823.600
8	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	4.498.000.000	3.483.000.000	1.015.000.000
9	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	-		
10	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	4.498.000.000	3.483.000.000	1.015.000.000
11	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+ 13)	4.687.823.600	3.483.000.000	1.204.823.600
12	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	-	-	-
13	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	4.687.823.600	3.483.000.000	1.204.823.600
14	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	4.206.775.200	3.301.503.900	905.271.300
15	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	-		
16	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	4.206.775.200	3.301.503.900	905.271.300
17	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	4.206.775.200	3.301.503.900	905.271.300
18	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	-		
19	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	4.206.775.200	3.301.503.900	905.271.300
20	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	250.534.700	181.496.100	69.038.600
21	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21= 22+23+24)	-	-	-
22	- Đã nộp NSNN	-		
23	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)	-	-	-
24	- Dự toán bị hủy (24=04+09-15-32)	-	-	-
25	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)	250.534.700	181.496.100	69.038.600
26	- Đã nộp NSNN	-		
27	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)	-	-	-
28	- Dự toán bị hủy (28=07+10-16-35)	250.534.700	181.496.100	69.038.600
29	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	230.513.700	-	230.513.700
30	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)	-	-	-
31	- Kinh phí đã nhận	-		
32	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	-		

Chỉ tiêu	Nội dung (*)	Tổng số	Loại 070	Loại 100
			Khoản 081	Khoản 101
33	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)	230.513.700	-	230.513.700
34	- Kinh phí đã nhận	-		
35	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	230.513.700		230.513.700

Phần II- CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN:

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Đơn vị: đồng
						Nguồn ngân sách nhà nước
						Ngân sách trong nước
				Tổng số:	4.206.775.200	4.206.775.200
				I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ		
				II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	4.206.775.200	4.206.775.200
070	081	6150		Chi về người có công với cách mạng	3.301.503.900	3.301.503.900
			6156	Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	2.737.755.900	2.737.755.900
			6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	430.908.000	430.908.000
			6199	Trợ cấp xã hội	132.840.000	132.840.000
100	101			Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN	905.271.300	905.271.300
				6550 - Vật tư văn phòng	15.929.500	15.929.500
			6551	Văn phòng phẩm	15.929.500	15.929.500
				6650 - Hội nghị	109.960.000	109.960.000
			6651	In, mua tài liệu	4.315.000	4.315.000
			6652	Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên	44.400.000	44.400.000
			6699	Chi khác	61.245.000	61.245.000
				6700 - Công tác phí	38.200.000	38.200.000
			6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	30.700.000	30.700.000
			6702	Phụ cấp công tác phí	3.000.000	3.000.000
			6703	Tiền thuê phòng ngủ	4.500.000	4.500.000
				7000 - Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	741.181.800	741.181.800
			7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	219.235.000	219.235.000




Loại	Khoản	Mục	Tiêu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước
						Ngân sách trong nước
			7017	Chi khoản thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học	439.546.800	439.546.800
			7049	Chi phí khác	82.400.000	82.400.000